

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-02-2025

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Võ Tấn Phước

2/- Ông Huỳnh Tài Em

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sơn Thị D, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị D có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 08 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Sơn Thị D trình bày: Chị Sơn Thị D và anh Nguyễn Văn C xây dựng hôn nhân gia đình năm 1995, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 05/09/2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình chung sống chị D và anh C có 04 (bốn) con chung tên:

+ Nguyễn Thị C1, sinh ngày 23/4/1996.

- + Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 10/05/2000
- + Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 09/07/2002
- + Nguyễn Văn C2, sinh ngày 25/11/2007.

Hiện cháu C1, cháu N, cháu H đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu C2 đang sống cùng với chị D.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị D và anh C là do anh Nguyễn Văn C có người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ ngày 03/05/2018 đến nay.

Nay, chị Sơn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Về con chung là các cháu Nguyễn Thị C1, sinh ngày 23/4/1996; Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 10/05/2000; Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 09/07/2002; Nguyễn Văn C2, sinh ngày 25/11/2007. Hiện cháu C1, cháu N, cháu H đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu C2 đang sống cùng với chị D thì chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn C2, sinh ngày 25/11/2007, không yêu cầu anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị D không còn có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Nguyễn Văn C không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, anh Nguyễn Văn C cũng không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Sơn Thị D theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh Nguyễn Văn C, nhưng anh Nguyễn Văn C không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung đề xuất: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Sơn Thị D đối với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn C2, sinh ngày 25/11/2007 cho chị Sơn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn

C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Sơn Thị D không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn C được quyền thăm nom con không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

- Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Chị Sơn Thị D phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Sơn Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn C, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Sơn Thị D có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Văn C vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng dân sự cho anh Nguyễn Văn C để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị D và anh C theo quy định, nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D và anh C.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Sơn Thị D và anh Nguyễn Văn C xây dựng hôn nhân gia đình năm 1995, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 05/09/2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/09/2005. Vì thế, hôn nhân giữa chị Sơn Thị D và anh Nguyễn Văn C là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị Sơn Thị D xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh C là do anh Nguyễn Văn C có người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ ngày 03/05/2018 đến nay. Từ khi sống ly thân với nhau, chị D và anh C đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được, nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh C.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, chị D và anh C không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại chị

D và anh C đã phát sinh những mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đối với anh C, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng nhiều lần tiến hành triệu tập họp lệ anh C đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử, nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Trong suốt quá trình xét xử vụ án, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh C, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị D và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Sơn Thị D đối với anh Nguyễn Văn C.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị D và anh C có 04 (bốn) con chung tên: Nguyễn Thị C1, sinh ngày 23/4/1996; Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 10/05/2000; Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 09/07/2002; Nguyễn Văn C2, sinh ngày 25/11/2007. Hiện cháu C1, cháu N, cháu H đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu C2 đang sống cùng với chị D. Khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn C2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh C vắng mặt, không có ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Xét thấy, tại thời điểm giải quyết, cháu Nguyễn Văn C2 đã đủ 07 tuổi trở lên, nên cần phải xem xét nguyện vọng của cháu để giao cháu cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Văn C2 (BL -29), cháu có nguyện vọng được sống cùng với chị D. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu C2, đồng thời, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống, ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu Nguyễn Văn C2, nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Văn C2 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng: Do chị Sơn Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Sơn Thị D xác định chị D và anh C không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị Sơn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sơn Thị D đối với anh Nguyễn Văn C, xử cho ly hôn giữa chị Sơn Thị D và anh Nguyễn Văn C.

2/- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn C2, sinh ngày 25/11/2007 cho chị Sơn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Sơn Thị D không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn C được quyền thăm nom con không ai được quyền cản trở.

3/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Sơn Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Sơn Thị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005634 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Phan Thị Mỹ Xuyên

